

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 08/2010/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Nha Trang, ngày 10 tháng 12 năm 2010*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định mức thu, phân cấp thu nộp, quản lý  
và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 12 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 31 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 02/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6388/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-BKTNS ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Ban kinh tế và ngân sách và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Mức thu, phân cấp thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Phân loại chợ:

Căn cứ theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 02/2003/NĐ-CP.

2. Mức thu:

T T	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Thành phố	Thị xã	Các huyện đồng bằng	Các huyện miền núi
<b>A. Chợ loại I</b>						
<b>I</b>	<b>Lô sạp cố định trong nhà chợ</b>					
1	Nhà chợ cấp 2,3					
a	Lô sạp tầng trệt hai mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	99.000	89.000	80.000	69.000
b	Lô sạp tầng trệt một mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	82.000	74.000	65.000	57.000
c	Lô sạp tầng lửng hai mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	75.000	67.000	60.000	52.000
d	Lô sạp tầng lửng một mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	60.000	54.000	48.000	42.000
đ	Lô sạp tầng lầu hai mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	52.000	47.000	42.000	36.000
e	Lô sạp tầng lầu một mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	45.000	40.000	36.000	31.000
2	Nhà chợ cấp 4					
a	Lô sạp 2 mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	45.000	40.000	36.000	31.000
b	Lô sạp 1 mặt tiền	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	37.000	33.000	30.000	26.000
c	Lô sạp có vị trí ít thuận lợi	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	30.000	27.000	24.000	21.000
<b>II</b>	<b>Lô sạp cố định ngoài chợ</b>					
1	Kiốt, lô sạp mặt tiền đường vào chợ	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	75.000	68.000	60.000	52.000
2	Kiốt, lô sạp vành đai chợ	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	45.000	40.000	36.000	31.000
<b>III</b>	<b>Lô sạp không cố định ngoài chợ</b>					
1	Lô sạp diện tích từ 1,5 - 2 m <sup>2</sup>	Đồng/m <sup>2</sup> /ngày	5.000	4.500	4.000	2.000
2	Nếu quá diện tích quy định cứ 1m <sup>2</sup> thu thêm	Đồng/m <sup>2</sup> /ngày	3.000	2.700	2.400	2.100
<b>IV</b>	<b>Hàng hóa nhập chợ</b>					

1	Các loại xe chở hàng					
a	Xe tải dưới 2,5 tấn	Đồng/xe	45.000	45.000	45.000	45.000
b	Xe tải từ 2,5 tấn đến dưới 5 tấn	Đồng/xe	68.000	68.000	68.000	68.000
c	Xe tải trên 5 tấn	Đồng/xe	90.000	90.000	90.000	90.000
d	Xe cơ giới hai bánh	Đồng/xe	3.000	3.000	3.000	3.000
đ	Xe thô sơ ba bánh	Đồng/xe	3.000	3.000	3.000	3.000
2	Các loại hàng hóa khác					
a	Hàng lương thực, nông sản khô	Đồng/kg	60	60	60	60
b	Hàng hải sản khô	Đồng/kg	150	150	150	150
c	Heo, bò	Đồng/kg	90	90	90	90
d	Gà, vịt	Đồng/kg	300	300	300	300
đ	Hàng thực phẩm khác	Đồng/kg	450	450	450	450
e	Hải sản tươi sống	Đồng/kg	1.000	1.000	1.000	1.000
g	Hàng rau củ quả tươi sống	Đồng/kg	200	200	200	200
<b>B. Chợ loại II</b>						
<b>I</b>	<b>Lô sạp cố định (kể cả khu vực trung tâm chợ và mặt tiền các con đường thuộc khu vực chợ quản lý)</b>					
1	Hộ kinh doanh vàng bạc	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	75.000	68.000	60.000	52.000
2	Kinh doanh hàng vải, hàng tạp hóa, giày dép, guốc, đồ điện, hàng nhôm, nhựa, bánh kẹo, thuốc tân dược, hàng sành sứ, CN thực phẩm, hải sản tươi sống, thức ăn gia súc	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	23.000	21.000	18.000	16.000
3	Kinh doanh gạo, hàng khô, hàng gia vị, hàng chiếu, trái cây, hàng rau, hàng trâu cau, nhang đèn, và các mặt hàng khác	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	15.000	13.000	12.000	11.000
<b>II</b>	<b>Lô sạp không cố định ngoài chợ</b>					
1	Lô sạp diện tích từ 1,5 - 2 m <sup>2</sup>	Đồng/m <sup>2</sup> /ngày	3.600	3.200	2.800	2.500
2	Nếu quá diện tích quy định cứ 1m <sup>2</sup> thu thêm	Đồng/m <sup>2</sup> /ngày	2.400	2.100	1.900	1.700

<b>III Hàng hóa nhập chợ</b>						
1	Các loại xe chở hàng					
a	Xe tải dưới 2,5 tấn	Đồng/xe	30.000	30.000	30.000	30.000
b	Xe tải từ 2,5 tấn đến dưới 5 tấn	Đồng/xe	52.000	52.000	52.000	52.000
c	Xe tải trên 5 tấn	Đồng/xe	75.000	75.000	75.000	75.000
d	Xe cơ giới hai bánh	Đồng/xe	7.500	7.500	7.500	7.500
đ	Xe thô sơ ba bánh	Đồng/xe	2.000	2.000	2.000	2.000
2	Các loại hàng hóa khác					
a	Hàng lương thực, nông sản khô	Đồng/kg	45	45	45	45
b	Hàng hải sản khô	Đồng/kg	120	120	120	120
c	Hàng thực phẩm, hải sản tươi sống	Đồng/kg	750	750	750	750
d	Heo, bò	Đồng/kg	60	60	60	60
đ	Gà, vịt	Đồng/kg	200	200	200	200
e	Hàng thực phẩm khác	Đồng/kg	300	300	300	300
g	Hải sản tươi sống	Đồng/kg	600	600	600	600
h	Hàng rau củ quả tươi sống	Đồng/kg	150	150	150	150
<b>C. Chợ loại III</b>						
	<b>Tất cả các hộ kinh doanh trong chợ</b>	Đồng/hộ/ ngày	3.000	3.000	3.000	3.000

### 3. Phân cấp thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí chợ:

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc phân cấp thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ đối với từng loại chợ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

#### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Bãi bỏ mục 5 khoản I Nghị quyết số 20/2001/NQ-HĐND ngày 16 tháng 02 năm 2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu phí, lệ phí và mức huy động nhân dân đóng góp xây dựng trường học.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khoá IV, kỳ họp thứ 15 thông qua./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần An Khánh**